

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST

Ngày 09/6/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Chiêm;

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn D, sinh năm 1970, tại L.

Nơi cư trú: Số 71, ấp 2, xã H, thành phố T, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và bà Đoàn Thị H (Đã chết); vợ tên Châu Thị Ngọc A, sinh năm 1970; có 03 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 1, xã H, thành phố T, tỉnh L.

+ Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lê Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp 1, xã H, thành phố T, tỉnh L (*Có mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/12/2020, Nguyễn Văn D đi bộ 01 mình từ nhà đến chòi lá tại Ấp 2, xã H, thành phố T, L của bà Lê Thị H để mua vé số (do bà Hồng bán vé số dạo). Khi Dũng đến chòi lá của bà Hồng thì không gặp bà Hồng. Lúc này, Dũng nhìn thấy Lê Thị T (bị bệnh tâm thần) đang nằm trên võng 01 mình. Dũng đi đến nói với chị Nhiều “một trăm cho chơi không” ý nói là Dũng cho chị Nhiều 100.000đ để chị Nhiều cho Dũng quan hệ tình dục. Đồng thời, Dũng đưa 01 ngón tay lên ra dấu, thì chị Nhiều đưa 02 ngón tay thì Dũng nói: “hai trăm hả, một trăm được không?” thì chị Nhiều gật đầu nói “được”.

Khi đó, chị Nhiều vẫn đang nằm trên võng còn Dũng thì ngồi sát bên chị Nhiều, dùng 02 tay kéo áo chị Nhiều lên cổ (chị Nhiều không mặc áo ngực) và dùng 02 tay sờ vào vú chị Nhiều khoảng 05 phút, Dũng dùng tay trái kéo quần chị Nhiều xuống đến đầu gối (chị Nhiều không mặc quần lót). Dũng dùng tay trái sờ vào âm hộ chị Nhiều còn tay phải sờ vào vú chị Nhiều khoảng 05 phút. Dũng bước lên võng rồi ngồi lên đùi chị Nhiều, mặt Dũng và mặt chị Nhiều đối diện với nhau, Dũng khom người xuống trên mình chị Nhiều, miệng Dũng sát vào 02 đùi trước chị Nhiều. Dũng dùng 02 tay kéo quần đùi xuống đến chân (Dũng không mặc quần lót), Dũng kêu chị Nhiều dùng tay sờ vào dương vật mình để cho dương vật cương cứng thì chị Nhiều dùng tay phải sờ vào dương vật Dũng. Dũng dùng tay trái cầm dương vật đưa vào âm hộ chị Nhiều khoảng 15 phút nhưng không đưa dương vật vào âm hộ được. Lúc này, Dũng và chị Nhiều vẫn đang nằm trên võng nên không quan hệ tình dục được. Vì vậy, Dũng đứng dậy bước ra khỏi võng và dùng tay phải chỉ và nói với chị Nhiều “ở đây không được rồi xuống dưới đất”.

Chị Nhiều bước ra khỏi võng nằm ngửa dưới nềnximăng. Dũng ngồi khom người trên mình chị Nhiều, Dũng dùng tay cầm dương vật đưa vào âm hộ chị Nhiều, cứ như vậy khoảng 15 phút nhưng không đưa dương vật vào âm hộ chị Nhiều được. Lúc này, Dũng nghe có tiếng nói của bà Hồng đi về nên Dũng đứng dậy kéo quần lên và đưa cho chị Nhiều 10.000đ thì bị bà Hồng phát hiện trình báo sự việc với Công an xã H, thành phố T, tỉnh L. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Dũng đã khai nhận toàn bộ hành vi quan hệ tình dục với chị Nhiều.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 2348 ngày 26/01/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh, kết luận Lê Thị T:

“1.1 Về y học:

Trước, trong và sau khi bị hiếp dâm Đối tượng Chậm phát triển tâm thần, mức độ nặng (F72-ICD10).

1.2 Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước, trong và sau khi bị hiếp dâm Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

- Tại bản kết luận giám định số 6367 ngày 25/12/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy tinh trùng trong mẫu phết dịch âm đạo của Lê Thị T.

- Tại bản kết luận giám định số: 57/TD.20-PY ngày 21/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận Lê Thị T: Màng trinh dẫn rộng, có dấu rách cũ sát chân ở vị trí 04 giờ và 08 giờ.

Vật chứng của vụ án:

+ Tiền Việt Nam 10.000đ (mười ngàn đồng).

+ 01 (một) áo màu đỏ bông trắng, 01 (một) quần màu đỏ bông trắng của Lê Thị T.

+ 01 (một) áo thun màu trắng của Nguyễn Văn D.

Cáo trạng số 32/CT-VKSTA-HS ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Hiếp dâm” theo khoản 1 điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại, bà Lê Thị H trình bày: Bà là mẹ của Lê Thị T, bà yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho chị Lê Thị T tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 50.000.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hiếp dâm”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 141; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Việc xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử:
- + Tịch thu sung công quỹ tiền Việt Nam 10.000đ (mười nghìn đồng).
- + Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo màu đỏ bông trắng, 01 (một) quần màu đỏ bông trắng của Lê Thị T; 01 (một) áo thun màu trắng của Nguyễn Văn D.
- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết mình sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của người bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/12/2020, Nguyễn Văn D đã có hành vi quan hệ tình dục với chị Lê Thị T là người mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi tại chòi lá của bà Lê Thị H thuộc ấp 1, xã H, thành phố T, tỉnh L. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình nhưng vì dục vọng bản thân, bị cáo đã lợi dụng bị hại bị thiếu năng về trí tuệ, không thể tự vệ được bản thân đã thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn của người bị hại làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân phẩm, sức khỏe, danh dự của người bị hại. Do đó, phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 50.000.000đ, tuy nhiên bị cáo không đồng ý bồi thường. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự quy định “...*Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định*”. Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng. Theo đó Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại mười lần mức lương cơ sở với số tiền là 14.900.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung công quỹ tiền Việt Nam 10.000đ (mười nghìn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo màu đỏ bông trắng, 01 (một) quần màu đỏ bông trắng của Lê Thị T; 01 (một) áo thun màu trắng của Nguyễn Văn D.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hiếp dâm”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 141; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 592 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Thời gian thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ: tiền Việt Nam 10.000đ (Mười nghìn đồng); Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo màu đỏ bông trắng, 01 (một) quần màu đỏ bông trắng của Lê Thị T; 01 (một) áo thun màu trắng của Nguyễn Văn D.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan CSĐT công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận :

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CA Tp T;
- Chi cục THA Tp T;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan